TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/HS - ST
Ngày 30 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Thái và bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2024/TLST - HS ngày 08 tháng 8 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành L, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Dương Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (là bố đẻ bị cáo); "có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Kim Hồng Thanh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; "có mặt"

Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; "có mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; "có mặt"

- Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/4/2024, Nguyễn Thành L, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2007, ở tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2007 (ở tổ dân phố Đ, thị trấn Đ cùng đến nhà bạn là Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2006 ở tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B chơi và ở lại ăn ngủ tại nhà G. Ở nhà G, L để ý thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 88G1 – 490.93 của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (mẹ đẻ của G) đi về để ở lán xe trong sân nhà và chìa khóa xe để ở kệ ti vi. Khoảng 10h00' ngày 11/4/2024, sau khi ngủ dậy L cùng G, Đ đi bộ đến quán game Quang Đăng Gaming ở tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện B để chơi điện tử. Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của nhà G để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên một mình đi về nhà G mà không nói cho G và Đ biết. Khi về đến nhà G, L thấy không có ai ở nhà, L đi vào phòng khách đến vị trí kệ tủ ti vi lấy chìa xe rồi đi ra lán xe ở sân mở khóa xe, điều khiển xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 đi đến nhà anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 2001 ở tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để cắm xe vay tiền. Trên đường đi đến nhà T, L gặp Phan Thanh N, sinh ngày 02/6/2008 ở tổ dân phố K, thị trấn Đ nên có rủ N đi cùng đến nhà T (mục đích là sau khi cắm xe xong thì nhờ N đưa về), N đồng ý. L điều khiển xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 vừa trộm cắp được, Ngọc điều khiển xe mô tô của N đi đến nhà T. Đến nơi L bảo N đứng ngoài cổng đợi, còn L đi vào gặp anh T hỏi vay số tiền 6.000.000 đồng nhưng anh T không cho vay, L đặt vấn đề vay tiền và để lại xe mô tô làm tin, thấy vậy anh T hỏi về nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 "xe của ai", L nói dối "xe của nhà em", anh T nói "bao giờ trả tiền", L nói "cho em vay ít ngày, em có tiền em trả", tin lời L nói nên anh T đồng ý cho L vay số tiền 6.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì và cũng không tính lãi. Sau khi được anh T cho vay số tiền 6.000.000 đồng L đi ra nhờ N đưa về quán game ở K – Đ. Sau đó N đi về, số tiền cắm xe L đã tiêu sài cá nhân và chơi điện tử hết.

Ngày 12/4/2024 bà Nguyễn Thị L sinh (là mẹ đẻ của Nguyễn Ngọc G) đi chợ về được G thông báo là xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 đã bị trộm cắp và có nghi ngờ cho Nguyễn Thành L là người đã lấy trộm chiếc xe trên và yêu cầu L trả lại xe nhưng L không trả lại xe mô tô nên ngày 03/5/2024 bà L đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra. Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình như đã nêu trên.

Ngày 06/5/2024 sau khi biết xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 là do Nguyễn Thành L trộm cắp mà có nên anh Nguyễn Trọng T đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ điều tra.

Ngày 13/5/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 88G1 – 490.93. Tại Kết luận định giá tài sản số 63 ngày 15/5/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 88G1 – 490.93 trị giá 25.000.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 88G1 – 490.93 xác định là của bà Nguyễn Thị L. Ngày 27/6/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho bà L, sau khi nhận lại tài sản bà L không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKSBX ngày 05 tháng 8 năm 2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 90, 91; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thành L từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L sau khi đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo hưởng án treo, tạo cơ hội cho bị cáo rền luyện mình để trở thành công dân có ích cho xã hội; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong phần nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ mức án và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố Bị cáo, phê chuẩn quyết định khởi tố Bị cáo, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của Bị cáo và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo rõ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án vụ án; đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 11h00' ngày 11/4/2024, tại gia đình nhà bà Nguyễn Thị L ở Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Thành L, sinh ngày 17/10/2007 (khi phạm tội 16 tuổi 5 tháng 25 ngày) có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 88G1 – 490.93 có trị giá theo kết luận định giá là 25.000.000 đồng của bà L, sau đó đem đặt làm tin cho anh Nguyễn Trọng T vay 6.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Với hành vi trên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo ra trước Tòa về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định như sau:

"1) Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

[3] Xét vụ án có tính chất nghiêm trọng vì hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ đồng thời gây lên tình hình mất trật tự trị an xã hội. Do vậy cần phải xử lý bị cáo thỏa đáng, cân xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thành L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (tính đến ngày phạm tội 11/4/2024 mới 16 tuổi 5 tháng 25 ngày). Quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Trọng T nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; tại phiên toà bị hại đã xin giảm nhẹ cho bị cáo nên bị cáo được hưởng them tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được áp dụng những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự); bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trong vụ án này bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy Honda Lead của bà Nguyễn Thị L ở tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, trị giá 25.000.000 đồng, sau đó đem đặt làm tin cho anh Nguyễn Trọng T ở Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện B vay 6.000.000 đồng tiêu xài cá nhân hết. Hành vi của bị cáo cần xử lý thoả đáng.

Tuy nhiên do bị cáo là người có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, có nơi cư trú ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Việc cho bị cáo được hưởng án treo không ảnh hưởng đến công tác phòng, chống tội phạm tại địa phương và đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt được của bị hại đã được thu hồi và trao trả cho bị hại; sau khi nhận lại tài sản bị hại không có yêu cầu đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra; số tiền 6.000.000 đồng bị cáo vay của anh Nguyễn Trọng T, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường giúp, ngày 31/5/2024 ông Nguyễn Văn H là bố đẻ bị cáo đã trả anh T số tiền này, anh T không có yêu cầu đề nghị gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này còn có:

- Anh Nguyễn Trọng T cho L vay 6.000.000đ, L để lại xe máy trộm cắp được để làm tin. Quá trình điều tra xác định L không nói, anh T không biết chiếc xe mô tô trên do L phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh T là phù hợp.

- Đối với Phan Thanh N là người được Nguyễn Thành L rủ đi đến nhà Nguyễn Trọng T để L cắm xe mô tô BKS: 88G1 – 490.93 do L trộm cắp được, quá trình điều tra xác định L không nói, N không biết chiếc xe mô tô trên do L phạm tội mà có, N cũng không được hưởng lợi gì từ việc L cắm xe mô tô nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, 91 khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 08 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thành L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP, THAHS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Hoàng Thanh